

Message Text

UNCLASSIFIED

PAGE 01 BANGKO 06117 211228Z

ACTION ORM-02

INFO OCT-01 EA-09 ISO-00 DHA-02 VOE-00 SCA-01 CIAE-00

INSE-00 DODE-00 SY-05 DEAE-00 /020 W

-----211232Z 022988 /17

O R 211050Z MAR 77

FM AMEMBASSY BANGKOK

TO AMCONGEN HONG KONG IMMEDIATE

INFO SECSTATE WASHDC 288

UNCLAS BANGKOK 6117

HONG KONG FOR INS DIDIR FELDMAN

E.O. 11652: N/A

TAGS: SREF

SUBJECT: CONDITIONAL ENTRY PROGRAM FOR INDOCHINESE REFUGEES

REF: A. HONG KONG 01671 B. BANGKOK 5995 C. HONG KONG 3137

PER INSTRUCTIONS REF A PARA 5 AND 6, CONOFF IS FORWARDING TODAY
CE DOCUMENTATION FOR 21 CASES, TOTAL 80 PERSONS WITH INS OFFICER
MCHUGH.

1. NGUYEN THI TUYET NGA (F) NOV. 26, 1948 RACH GIA, VN
LAM NHA TRUC (F) JUL. 26, 1972 RACH GIA, VN
LAM HOAI PHUONG (F) DEC. 23, 1973 NHA TRANG, VN
2. TRAN THI DINH (F) 1934 THAI BINH, VN
NGUYEN HOANG THANH (M) FEB. 20, 1956 BINH DINH, VN
NGUYEN THI NHU MAI (F) FEB. 23, 1958 QUANG TRI, VN
NGUYEN THI MY HANG (F) DEC. 28, 1959 DANANG, VN
NGUYEN GIA KHANH (M) JUL. 15, 1962 DANANG, VN
NGUYEN THI MY TRANG (F) SEP. 13, 1964 DANANG, VN
NGUYEN THI MY PHUONG (F) NOV. 24, 1966 DANANG, VN
NGUYEN TIEN TAT DAT (M) MAY 4, 1972 DANANG, VN

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 02 BANGKO 06117 211228Z

3. PHAM THI HOANG YEN (F) OCT. 12, 1948 NINH BINH, VN
NGUYEN THI MONG HUYEN (F) OCT. 26, 1966 SAIGON, VN
NGUYEN MANH CUONG (M) JAN. 18, 1968 SAIGON, VN
NGUYEN THI MONG NGOC (F) JAN. 20, 1969 SAIGON, VN
NGUYEN THI HONG NGOC (F) OCT. 2, 1975 SAIGON, VN
MAI THI THUOC (F) 1913 MINH BINH, VN
PHAM THI THU HA (F) APR. 5, 1963 NHA TRANG, VN

4. NGUYEN VAN HUAN (M) SEPT. 8, 1949 DONG XUYEN, VN
 NGUYEN THI LY (F) OCT. 9, 1931 DONG XUYEN, VN
 NGUYEN THI THANH (F) 1962 VUNG TAU, VN
 NGUYEN VAN HIEP (M) 1963 VUNG TIEP, VN

5. NGUYEN DUY VY (M) AUG. 22, 1954 QUAT LAM, VN

6. VU THI HUA (F) SEPT. 20, 1945 HAI AN, VN

7. LE THI TUONG VAN (F) 1968 SAIGON, VN
 LE DUY QUOC TUNG (M) 1970 SAIGON, VN

8. PHAM TRONG HUY (M) OCT. 25, 1949 SAIGON, VN
 NGUYEN THI THUA (F) NOV. 1, 1926 BACH NINH, VN
 PHAM THI HANG (F) AUG. 15, 1946 SAIGON, VN
 PHAM THI THU HA (F) DEC. 15, 1954 SAIGON, VN
 PHAM TRONG HIEN (M) DEC. 7, 1958 SAIGON, VN
 PHAM THI LIEN HUONG (F) FEB. 13, 1960 SAIGON, VN
 BUI DUY HOAN (M) FEB. 14, 1970 SAIGON, VN
 BUI TIEN HY (M) JAN. 28, 1973 SAIGON, VN

9. THANH HUONG LE THI (F) NOV. 1, 1952 SAIGON, VN
 TIEN LE THI (F) AUG. 7, 1921 MY AN, VN
 THANH CUC LE THI (F) JAN. 22, 1955 SAIGON, VN
 THANH THUY LE THI (F) JAN. 10, 1960 SAIGON, VN
 THANH NGA LE THI (F) MAY 29, 1961 SAIGON, VN
 BAO TAN LE THANH (M) OCT. 22, 1972 SAIGON, VN
 LUONG TANG KHANH (M) FEB. 8, 1948 MY LE, VN

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 03 BANGKO 06117 211228Z

10. NGUYEN VAN DAI (M) MAR. 11, 1956 THANH HAI, VN

11. PHAM THI THU (F) 1923 BINH VU, VN
 TRAN KIM LONG (M) JUN. 22, 1951 SAIGON, VN

12. DO THAI LANG (F) JUN. 8, 1952 SAIGON, VN
 HOANG TAM KIEN (M) DEC. 1, 1972 SAIGON, VN
 HOANG TRONG KHIEN (M) OCT. 17, 1974 SAIGON, VN
 DO VIET CUONG (M) JUN. 29, 1954 SAIGON, VN
 DO THAI HIEN (F) MAY 30, 1950 QUANG NAM, VN
 DO THAI HA (F) JUL. 11, 1973 SAIGON, VN
 NGO THI HANH (F) 1894 HOI AN, VN

13. MAI VAN NHU (M) FEB. 18, 1951 BUI CHU, VN
 NGUYEN THI THIEN (F) DEC. 12, 1954 BINH DUC, VN
 MAI VAN DINH (M) APR. 3, 1954 BUI CHU, VN

14. VU TAM TIN (M) JAN. 9, 1929 HAI PHONG, VN

15. DOAN NGOC HOAN (M) JAN. 22, 1947 NINH BINH, VN
PHAM THI HANG (F) MAY 27, 1952 NINH BINH, VN
DOAN NGOC THU TRAN (F) JAN. 1, 1975 SAIGON, VN

16. NGUYEN THI MINH KHA (F) SEPT. 10, 1948 YEN PHU, VN
NGUYEN THI MINH QUYEN (F) FEB. 20, 1952 HANOI, VN

17. DO THAI NINH (F) JUL. 31, 1951 SAIGON, VN
NGUYEN TUONG SON (M) JUL. 20, 1949 QUANG NAM, VN
NGUYEN TUONG THAI KHANH (F) APR. 9, 1976 SAIGON, VN

18. VUONG SI THANH (M) MAR. 3, 1950 MINH HOA, VN

19. PHAM DUY HIEN (M) OCT. 22, 1925 NINH BINH, VN
NGUYEN THI THU (F) 1928 NAM DINH, VN
PHAM DUY HINH (M) OCT. 24, 1954 SAIGON, VN

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 04 BANGKO 06117 211228Z

PHAM DUY HIEU (M) AUG. 11, 1960 SAIGON, VN
PHAM DUY HUONG (M) JUN. 26, 1962 SAIGON, VN
PHAM DUY HUNG (M) SEPT. 26, 1963 SAIGON, VN
PHAM THANH HUYEN (M) JUN. 4, 1965 SAIGON, VN

20. PHAM THANH HUNG (M) NOV. 11, 1957 GIA DINH, VN

21. NGUYEN THI DAM (F) 1942 BUI CHU, VN
NGUYEN VAN QUYEN (M) 1942 BUI CHU, VN
NGUYEN NGOC THE (M) 1961 QUANG NAN, VN
NGUYEN VAN HOANG (M) 1963 QUANG NAN, VN
NGUYEN NGOC TOAN (M) 1965 LONG KHANH, VN
NGUYEN DUC TAI (M) 1967 LONG KHANH, VN
NGUYEN THI THUY MAI (F) 1971 BA RIA, VN
NGUYEN THI TUYET TRINH (F) 1974 BA RIA, VN

WHITEHOUSE

UNCLASSIFIED

NNN

Message Attributes

Automatic Decaptioning: X
Capture Date: 01-Jan-1994 12:00:00 am
Channel Indicators: n/a
Current Classification: UNCLASSIFIED
Concepts: DATA, REFUGEE RESETTLEMENT
Control Number: n/a
Copy: SINGLE
Sent Date: 21-Mar-1977 12:00:00 am
Decaption Date: 01-Jan-1960 12:00:00 am
Decaption Note:
Disposition Action: n/a
Disposition Approved on Date:
Disposition Case Number: n/a
Disposition Comment:
Disposition Date: 01-Jan-1960 12:00:00 am
Disposition Event:
Disposition History: n/a
Disposition Reason:
Disposition Remarks:
Document Number: 1977BANGKO06117
Document Source: CORE
Document Unique ID: 00
Drafter: n/a
Enclosure: n/a
Executive Order: N/A
Errors: N/A
Expiration:
Film Number: D770096-0232
Format: TEL
From: BANGKOK
Handling Restrictions: n/a
Image Path:
ISecure: 1
Legacy Key: link1977/newtext/t19770341/aaaabiym.tel
Line Count: 155
Litigation Code IDs:
Litigation Codes:
Litigation History:
Locator: TEXT ON-LINE, ON MICROFILM
Message ID: 42875cb5-c288-dd11-92da-001cc4696bcc
Office: ACTION ORM
Original Classification: UNCLASSIFIED
Original Handling Restrictions: n/a
Original Previous Classification: n/a
Original Previous Handling Restrictions: n/a
Page Count: 3
Previous Channel Indicators: n/a
Previous Classification: n/a
Previous Handling Restrictions: n/a
Reference: 77 HONG KONG 1671
Retention: 0
Review Action: RELEASED, APPROVED
Review Content Flags:
Review Date: 21-Sep-2004 12:00:00 am
Review Event:
Review Exemptions: n/a
Review Media Identifier:
Review Release Date: n/a
Review Release Event: n/a
Review Transfer Date:
Review Withdrawn Fields: n/a
SAS ID: 3053712
Secure: OPEN
Status: NATIVE
Subject: CONDITIONAL ENTRY PROGRAM FOR INDOCHINESE REFUGEES
TAGS: SREF, XC
To: HONG KONG
Type: TE
vdkgvwkey: odb://SAS/SAS.dbo.SAS_Docs/42875cb5-c288-dd11-92da-001cc4696bcc
Review Markings:
Margaret P. Grafeld
Declassified/Released
US Department of State
EO Systematic Review
22 May 2009
Markings: Margaret P. Grafeld Declassified/Released US Department of State EO Systematic Review 22 May 2009